

Complete the sentence so that it has a similar meaning to the original one. (2.0 points)

1. "I am working in a hospital." he said.

He said _____.

2. She has read the instructions carefully.

The instructions _____.

3. Listening to his lectures is very interesting.

It is _____.

4. In spite of his broken leg, he managed to attend the meeting.

Although his leg _____.

Combine the two sentences with the given word(s) in brackets. (1.0 point)

5. The girl is very friendly. She lives next door to us. (WHO)

_____.

6. He will pay a visit to his grandparents. They will be very happy. (IF)

_____.

Choose the underlined part (A, B, C, D) that needs correcting. (1.0 point)

7. We all know that his hobbies are playing football and collect stamps.

A. all know B. his C. are D. collect

8. My neighbour gave me a lot of flowers which was cut in her garden.

A. gave B. a lot of flowers C. which D. was

9. Nam can play badminton very good because he practices it every day.

A. can play B. good C. because D. it

10. My aunt is looking forward to see her son when he finishes his training course.

A. is looking B. to see C. finishes D. his

Choose the word (A, B, C, D) whose underlined part is pronounced differently from the others. (0.5 point)

11. A. cheer B. church C. chemist D. choose

12. A. great B. meat C. seat D. cheat

Choose the word (A, B, C, D) whose main stress is placed differently from that of the others. (0.5 point)

13. A. uniform B. assistant C. collection D. Professor

14. A. gather B. relax C. forget D. explain

Choose the word/phrase (A, B, C, D) that best fits the space in each sentence. (2.5 points)

15. Hoa's family is very poor. She wishes she _____ much money to buy a bigger house.
 A. has B. will have C. had D. has got
16. If my younger sister had more time, she _____ French and Korean.
 A. will study B. can study C. would study D. studies
17. English is his _____ tongue. Besides, he can speak French and Spanish.
 A. mother B. language C. country D. nation
18. The children were _____ when their mother was coming back home.
 A. excitement B. excitedly C. excited D. exciting
19. My boss _____ this computer for nearly 7 years.
 A. has used B. is using C. uses D. will use
20. Traditionally, the *ao dai* was _____ worn by both Vietnamese men and women.
 A. frequent B. frequentative C. frequency D. frequently
21. You have to finish all the tasks before going out, _____ you?
 A. haven't B. have C. do D. don't
22. Lan will look _____ her younger brother when her parents are away from home.
 A. up B. at C. into D. after
23. The Vietnamese government has _____ every effort to stop the rapid spread of COVID -19.
 A. brought B. made C. done D. created
24. To save money, we should _____ the amount of energy used in our homes.
 A. reduce B. increase C. stop D. leave

Choose the most suitable response (A, B, C, D) to complete each of the following exchanges. (0.5 point)

25. Mark is asking Phong about the weather in An Giang.

- **Mark:** "What's the weather like in An Giang today?"

- **Phong:** "_____."

- A. It was nice B. It's very hot C. It's very interesting D. I like this weather
26. Lan invites Mary to go to the cinema.
- **Lan:** "Would you like to go to the cinema with me this weekend?"
- **Mary:** "_____."
- A. Yes, I'd love to B. Yes, I do C. I agree with you D. Yes, it is

Read the passage and choose the correct answer (A, B, C, D) to each of the following questions. (1.0 point)

Television and Kids

Television is very (27) _____ and even has some benefits for kids. It helps very young children learn the letters of the alphabet, and helps other kids learn about science, cultures, and world events. However, researchers show that too much TV is bad for children. For one thing, there is a link between watching more

than four hours of TV a day (28) _____ being overweight. For another thing, many TV shows are violent and upsetting. Watching these shows may cause kids to be more (29) _____. And of course, more time in front of the TV means less time to study. Too much TV may also be the cause of lower grades. Experts do not agree on the solution to these problems. Some say that kids should watch only educational programs; Others say kids should watch no TV at all. And others suggest (30) _____ them to watch TV as occasional entertainment, not as an everyday hobby.

27. A. popular B. popularly C. popularity D. popularize
 28. A. and B. but C. or D. so
 29. A. fearful B. happy C. careful D. lucky
 30. A. teach B. teaching C. to teach D. taught

Read the passage and choose the correct answer (A, B, C, D) to each of the following questions. (1.0 point)

One of the most celebrated traditional holidays in Vietnam is Vietnamese Teacher's Day, which falls on the twentieth of November every year.

People celebrate this special day to honor all Vietnamese teachers for their devotion to the education. On this merry and grateful occasion, students often visit their teachers, wishing them good health, happiness, and career success and respectfully presenting them gifts like flowers to show their gratitude to their teachers. Gift shops are filled with beautiful 20-11 gifts and many students get excited to choose ones for their teachers. And **those** who are out of town and cannot visit their teachers often send their favorite teachers greeting cards on which words of gratitude and wishes of the season are expressed. Many alumni who are now successful businessmen and government officers often offer very big bunches of flowers to their old schools as an expression of their gratitude towards their teachers who have taught them to become useful citizens.

Both teachers and students are very happy on this interesting holiday because they have a chance to recall their funny and good memories. Vietnamese Teacher's Day is really one of our most important holidays.

31. It is stated in the passage that Vietnamese Teacher's Day is held _____.
 A. daily B. monthly C. yearly D. weekly
32. The purpose of Vietnamese Teacher's Day is to _____.
 A. offer wishes, gifts to teachers for their devotion to education
 B. visit our teachers who are now teaching us
 C. honor all Vietnamese teachers who devote their life to education
 D. celebrate an occasion for teachers and students to have time together
33. According to the passage, which of the following activities is **NOT** mentioned on Vietnamese Teacher's Day?
 A. presenting flowers to teachers B. visiting and saying wishes to teachers
 C. sending greeting cards to teachers D. having party with teachers
34. The word "**those**" in line 7 refers to _____.

A. students

B. teachers

C. government officers

D. businessmen

--- THE END ---

HƯỚNG DẪN GIẢI

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

7. D	8. D	9. B	10. B	11. C	12. A	13. A
14. A	15. C	16. C	17. A	18. C	19. A	20. D
21. D	22. D	23. B	24. A	25. B	26. A	27. A
28. A	29. A	30. B	31. C	32. C	33. D	34. A

1. he was working in a hospital.
2. have been read carefully.
3. very interesting to listen to his lectures.
4. was broken, he managed to attend the meeting.
5. The girl who lives next door to us is very friendly.
6. If he pays a visit to his grandparents, they will be very happy.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. (TH)

Kiến thức: Câu tường thuật

Giải thích:

Câu tường thuật câu đơn: S + said + (that) + S + V (lùi thì)

Đổi đại từ nhân xưng "I" => "he", thì hiện tại tiếp diễn => quá khứ tiếp diễn

Tạm dịch: "Tôi đang làm việc trong bệnh viện." anh ấy nói.

= Anh ấy nói rằng anh ấy đang làm việc trong một bệnh viện.

Đáp án: he was working in a hospital.

2. (TH)

Kiến thức: Câu bị động

Giải thích: Câu bị động thì hiện tại hoàn thành: S + have/ has + been + P2

Tạm dịch: Cô ấy đã đọc kỹ hướng dẫn.

= Các hướng dẫn đã được đọc cẩn thận.

Đáp án: have been read carefully.

3. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu cơ bản

Giải thích: Cấu trúc: It + be + adj + (for O) + to V_infinite: Thật là làm sao cho ai đó để làm gì

Tạm dịch: Nghe bài giảng của anh ấy rất thú vị.

= Thật thú vị khi nghe bài giảng của anh ấy.

Đáp án: very interesting to listen to his lectures.

4. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc câu cơ bản

Giải thích:

Cấu trúc: Although + S + V, S + V: Mặc dù ...

In spite of + cụm danh từ/ V_ing, S + V: Mặc dù ...

Tạm dịch: Mặc dù bị gãy chân, anh ấy vẫn cố gắng tham dự cuộc họp.

= Mặc dù chân bị gãy nhưng anh ấy vẫn cố gắng tham dự cuộc họp.

Đáp án: was broken, he managed to attend the meeting.

5. (TH)

Kiến thức: Câu mệnh đề quan hệ

Giải thích:

Danh từ chung nhau “The girl” và “she” => danh từ chỉ người

Đại từ quan hệ “who” thay thế cho danh từ chỉ người, đóng vai trò làm chủ ngữ

Tạm dịch: Cô gái rất thân thiện. Cô ấy sống cạnh nhà chúng tôi.

= Cô gái sống cạnh nhà chúng tôi rất thân thiện.

Đáp án: The girl who lives next door to us is very friendly.

6. (TH)

Kiến thức: Câu điều kiện

Giải thích:

Câu điều kiện loại 1: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Tạm dịch: Anh ấy sẽ đến thăm ông bà của mình. Họ sẽ rất vui.

= Nếu anh ấy đến thăm ông bà của mình, họ sẽ rất vui.

Đáp án: If he pays a visit to his grandparents, they will be very happy.

7. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Liên từ “and” dùng để nối các từ cùng tính chất ngữ pháp, từ loại

=> Trước “and” là danh động từ “playing” => sau “and” là danh động từ

collect (v): thu thập

Sửa: collect => collecting

Tạm dịch: Chúng ta đều biết rằng sở thích của anh ấy là chơi bóng đá và sưu tập tem.

Đáp án D.

8. (TH)

Kiến thức: Sự hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ

Giải thích:

Đại từ quan hệ “which” thay thế cho cụm danh từ “a lot of flowers” – rất nhiều hoa => cần chia động từ theo chủ ngữ số nhiều

Sửa: was => were

Tạm dịch: Hàng xóm của tôi đã cho tôi rất nhiều hoa được cắt trong vườn của cô ấy.

Đáp án D.

9. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Sau động từ “play” và trạng từ chỉ mức độ “very” cần điền trạng từ chỉ thể cách

good (adj): tốt

well (adv): tốt

Sửa: good => well

Tạm dịch: Nam có thể chơi cầu lông rất tốt vì anh ấy luyện tập nó hàng ngày.

Đáp án B.

10. (TH)

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

Cấu trúc: S + look forward to + V_ing: Ai đó mong ngóng làm gì

Sửa: to see => to seeing

Tạm dịch: Dì của tôi đang mong gặp lại con trai của dì khi cậu ấy kết thúc khóa đào tạo.

Đáp án B.

11. (NB)

Kiến thức: Cách phát âm “ch”

Giải thích:

A. cheer /tʃiə(r)/

B. church /tʃɜːtʃ/

C. chemist /ˈkɛmɪst/

D. choose /tʃuːz/

Phần gạch chân phương án C được phát âm là /k/, còn lại phát âm là /tʃ/.

Đáp án C.

12. (NB)

Kiến thức: Cách phát âm “ea”

Giải thích:

A. great /greɪt/

B. meat /mi:t/

C. seat /si:t/

D. cheat /tʃi:t/

Phần gạch chân phương án A được phát âm là /eɪ/, còn lại phát âm là /i:/.

Đáp án A.

13. (NB)**Kiến thức:** Trọng âm từ có 3 âm tiết**Giải thích:**

- A. uniform /'ju:nifɔ:m/
- B. assistant /ə'sistənt/
- C. collection /kə'leɪʃn/
- D. Professor /prə'fesə(r)/

Phương án A có trọng âm rơi vào âm tiết 1, còn lại là âm tiết 2.

Đáp án A.**14. (NB)****Kiến thức:** Trọng âm từ có 2 âm tiết**Giải thích:**

- A. gather /'gæðə(r)/
- B. relax /rɪ'læks/
- C. forget /fə'get/
- D. explain /ɪk'spleɪn/

Phương án A có trọng âm rơi vào âm tiết 1, còn lại là âm tiết 2.

Đáp án A.**15. (TH)****Kiến thức:** Câu ước**Giải thích:**

Câu ước trái với hiện tại: S + wish(es) + S + V_ed

Diễn tả 1 điều ước trái với hiện tại

Tạm dịch: Gia đình Hòa rất nghèo. Cô ước cô có nhiều tiền để mua một ngôi nhà lớn hơn.

Đáp án C.**16. (TH)****Kiến thức:** Câu điều kiện**Giải thích:**

Câu điều kiện loại 2: If + S + V_ed, S + would/ could/ might + V_infinite

Diễn tả 1 điều kiện trái với hiện tại, dẫn đến 1 kết quả trái với hiện tại

Tạm dịch: Nếu em gái tôi có nhiều thời gian hơn, em ấy sẽ học tiếng Pháp và tiếng Hàn.

Đáp án C.**17. (TH)****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

- A. mother (n): mẹ

B. language (n): ngôn ngữ

C. country (n): đất nước

D. nation (n): quốc gia

=> Cụm: mother tongue: tiếng mẹ đẻ

Tạm dịch: Tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ của anh ấy. Bên cạnh đó, anh ấy có thể nói tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.

Đáp án A.

18. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

A. excitement (n): sự hào hứng

B. excitedly (adv): một cách vui vẻ, hào hứng

C. excited (adj): hào hứng => tính từ đuôi “ed” thể hiện cảm xúc

D. exciting (adj): thú vị => tính từ đuôi “ing” thể hiện bản chất

Sau động từ “be” cần điền tính từ

Tạm dịch: Những đứa trẻ háo hức khi mẹ chúng trở về nhà.

Đáp án C.

19. (TH)

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Dấu hiệu nhận biết “for nearly 7 years” – gần 7 năm => chia thì hiện tại hoàn thành

Thì hiện tại hoàn thành: S + have/ has + P2 + for + khoảng thời gian

Tạm dịch: Sếp của tôi đã sử dụng chiếc máy tính này được gần 7 năm.

Đáp án A.

20. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

A. frequent (adj): thường xuyên

B. frequentative (adj): nhiều lần, xảy ra nhiều lần (ngôn ngữ)

C. frequency (n): tần số

D. frequently (adv): một cách thường xuyên

Trong câu bị động, giữa “be” và “P2” cần điền trạng từ

Tạm dịch: Theo truyền thống, áo dài thường được mặc bởi cả đàn ông và phụ nữ Việt Nam.

Đáp án D.

21. (TH)

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Về trước câu hỏi đuôi dạng khẳng định => câu hỏi đuôi dạng phủ định

Về trước: You have to finish => câu hỏi đuôi: don't you?

Tạm dịch: Bạn phải hoàn thành tất cả các nhiệm vụ trước khi ra ngoài phải không?

Đáp án D.

22. (TH)

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

A. up (prep): lên => cụm động từ: look up: tra cứu

B. at (prep): tại => cụm động từ: look at: nhìn vào

C. into (prep): vào trong => cụm động từ: look into: kiểm tra

D. after (prep): sau => cụm động từ: look after: chăm sóc/ trông nom

Tạm dịch: Lan sẽ trông em trai khi bố mẹ vắng nhà.

Đáp án D.

23. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. brought (P2): mang

B. made (P2): tạo ra

C. done (P2): làm

D. created (P2): tạo ra

=> Cụm: make effort: nỗ lực

Tạm dịch: Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực hết sức để ngăn chặn sự lây lan nhanh chóng của COVID-19.

Đáp án B.

24. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. reduce (v): giảm

B. increase (v): tăng

C. stop (v): dừng

D. leave (v): rời đi

Tạm dịch: Để tiết kiệm tiền, chúng ta nên giảm lượng năng lượng sử dụng trong nhà.

Đáp án A.

25. (TH)

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

Mark đang hỏi Phong về thời tiết ở An Giang.

- Mark: “Thời tiết ở An Giang hôm nay thế nào?”

- Phong: “_____.”

- A. Nó đã rất đẹp
- B. Trời rất nóng
- C. Rất thú vị
- D. Tôi thích thời tiết này

Đáp án B.

26. (TH)

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

Lan mời Mary đi xem phim.

- Lan: “Cuối tuần này cậu có muốn đi xem phim với tớ không?”

- Mary: “_____.”

- A. Có, tớ rất muốn
- B. Có, tôi đồng ý
- C. Tôi đồng tình với bạn
- D. Đúng vậy

Đáp án A.

27. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

- A. popular (adj): phổ biến
- B. popularly (adv): một cách phổ biến
- C. popularity (n): sự phổ biến, sự nổi tiếng
- D. popularize (v): truyền bá, phổ cập

Sau động từ “be” và trạng từ “very” điền tính từ

Television is very (27) **popular** and even has some benefits for kids.

Tạm dịch: Truyền hình rất phổ biến và thậm chí còn có một số lợi ích cho trẻ em.

Đáp án A.

28. (TH)

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. and: và (dùng để thêm ý)
- B. but: nhưng (dùng để diễn tả ý trái ngược)
- C. or: hoặc (dùng để đưa ra lựa chọn)

D. so: vì vậy (dùng để chỉ kết quả)

=> Cụm: a link between A and B: mối liên hệ giữa A và B

For one thing, there is a link between watching more than four hours of TV a day (28) **and** being overweight.

Tạm dịch: Trước hết, có mối liên hệ giữa việc xem TV hơn 4 giờ mỗi ngày và tình trạng thừa cân.

Đáp án A.

29. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. fearful (adj): sợ hãi, sợ sệt

B. happy (adj): vui vẻ

C. careful (adj): cẩn thận

D. lucky (adj): may mắn

Watching these shows may cause kids to be more (29) **fearful**.

Tạm dịch: Xem những chương trình này có thể khiến trẻ sợ hãi hơn.

Đáp án A.

30. (TH)

Kiến thức: To V/ V_ing

Giải thích:

Cấu trúc: S + suggest + V_ing: Ai đó gợi ý/ đề nghị làm gì

And others suggest (30) **teaching** them to watch TV as occasional entertainment, not as an everyday hobby.

Tạm dịch: Và những người khác đề nghị dạy chúng xem TV như một nơi giải trí không thường xuyên, không phải là sở thích hàng ngày.

Đáp án B.

Dịch bài đọc:

Truyền hình và trẻ em

Truyền hình rất phổ biến và thậm chí còn có một số lợi ích cho trẻ em. Nó giúp trẻ nhỏ học các chữ cái trong bảng chữ cái và giúp những đứa trẻ khác tìm hiểu về khoa học, văn hóa và các sự kiện trên thế giới. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng xem quá nhiều TV không tốt cho trẻ em. Trước hết, có mối liên hệ giữa việc xem TV hơn 4 giờ mỗi ngày và tình trạng thừa cân. Ngoài ra, nhiều chương trình truyền hình bạo lực và khó chịu. Xem những chương trình này có thể khiến trẻ sợ hãi hơn. Và tất nhiên, nhiều thời gian hơn trước TV có nghĩa là ít thời gian học hơn. Xem quá nhiều TV cũng có thể là nguyên nhân của điểm số thấp hơn. Các chuyên gia không đồng ý về giải pháp cho những vấn đề này. Một số người nói rằng trẻ em chỉ nên xem các chương trình giáo dục; Những người khác nói rằng trẻ em không nên xem TV. Và những người khác đề nghị dạy chúng xem TV như một nơi giải trí không thường xuyên, không phải là sở thích hàng ngày.

31. (VD)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Đoạn văn nói rằng Ngày Nhà giáo Việt Nam được tổ chức _____.

- A. hàng ngày
- B. hàng tháng
- C. hàng năm
- D. hàng tuần

Thông tin: One of the most celebrated traditional holidays in Vietnam is Vietnamese Teacher's Day, which falls on the twentieth of November every year.

Tạm dịch: Một trong những ngày lễ truyền thống nổi tiếng nhất ở Việt Nam là Ngày Nhà giáo Việt Nam, rơi vào ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Đáp án C.

32. (VD)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Mục đích của Ngày Nhà giáo Việt Nam là để _____.

- A. gửi lời chúc, quà đến thầy cô đã tận tụy với sự nghiệp giáo dục
- B. thăm thầy cô hiện đang dạy chúng ta
- C. tôn vinh những nhà giáo Việt Nam đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục
- D. tổ chức dịp thầy trò sum họp

Thông tin: People celebrate this special day to honor all Vietnamese teachers for their devotion to the education.

Tạm dịch: Mọi người kỷ niệm ngày đặc biệt này để tôn vinh tất cả các nhà giáo Việt Nam vì những cống hiến của họ cho giáo dục.

Đáp án C.

33. (VD)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo đoạn văn, hoạt động nào sau đây KHÔNG được đề cập vào Ngày Nhà giáo Việt Nam?

- A. tặng hoa thầy cô
- B. thăm hỏi chúc thầy cô
- C. gửi thiệp chúc mừng thầy cô
- D. dự tiệc với thầy cô

Thông tin: - On this merry and grateful occasion, students often visit their teachers, wishing them good health, happiness, and career success and respectfully presenting them gifts like flowers to show their gratitude to their teachers.

- And those who are out of town and cannot visit their teachers often send their favorite teachers greeting cards on which words of gratitude and wishes of the season are expressed.

Tạm dịch: - Vào dịp vui vẻ và tri ân này, các học trò thường đến thăm thầy cô, chúc thầy cô sức khỏe, hạnh phúc, công danh sự nghiệp và trân trọng tặng thầy cô những món quà như bó hoa để tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Và những người ở xa, không thể đến thăm thầy cô của mình thường gửi cho thầy cô những tấm thiệp chúc mừng, trên đó bày tỏ những lời tri ân, những lời chúc đầu năm học.

Đáp án D.

34. (VD)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Từ “those” ở dòng 7 đề cập đến _____.

A. học sinh

B. giáo viên

C. quan chức chính phủ

D. doanh nhân

Thông tin: Gift shops are filled with beautiful 20-11 gifts and many students get excited to choose ones for their teachers. And those who are out of town and cannot visit their teachers often send their favorite teachers greeting cards on which words of gratitude and wishes of the season are expressed.

Tạm dịch: Các cửa hàng quà tặng tràn ngập những món quà 20-11 xinh xắn và nhiều bạn học sinh hào hứng chọn quà tặng thầy cô. Và những người ở xa, không thể đến thăm thầy cô của mình thường gửi cho thầy cô những tấm thiệp chúc mừng, trên đó bày tỏ những lời tri ân, những lời chúc đầu năm học.

Đáp án A.

Dịch bài đọc:

Một trong những ngày lễ truyền thống nổi tiếng nhất ở Việt Nam là Ngày Nhà giáo Việt Nam, rơi vào ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Mọi người kỷ niệm ngày đặc biệt này để tôn vinh tất cả các nhà giáo Việt Nam vì những cống hiến của họ cho giáo dục. Vào dịp vui vẻ và tri ân này, các học trò thường đến thăm thầy cô, chúc thầy cô sức khỏe, hạnh phúc, công danh sự nghiệp và trân trọng tặng thầy cô những món quà như bó hoa để tỏ lòng biết ơn thầy cô. Các cửa hàng quà tặng tràn ngập những món quà 20-11 xinh xắn và nhiều bạn học sinh hào hứng chọn quà tặng thầy cô. Và những người ở xa, không thể đến thăm thầy cô của mình thường gửi cho thầy cô những tấm thiệp chúc mừng, trên đó bày tỏ những lời tri ân, những lời chúc đầu năm học. Nhiều cựu học sinh nay đã là doanh nhân thành đạt, cán bộ nhà nước thường tặng trường cũ những bó hoa thật to để tỏ lòng biết ơn thầy cô đã dạy dỗ mình nên người thành người có ích.

Cả giáo viên và học sinh đều rất vui trong ngày lễ thú vị này vì họ có cơ hội nhớ lại những kỷ niệm vui vẻ và tốt đẹp của mình. Ngày Nhà giáo Việt Nam thực sự là một trong những ngày lễ quan trọng nhất của chúng ta.